

Số: 378/QĐ-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các quyết định: Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 39/TTr-SNNPTNT ngày 21 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thay thế; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính:

- Thủ tục hành chính số 9, 10, 11, 24, 25, 26, Mục III. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

- Thủ tục hành chính số 1, Mục 1. Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

- Thủ tục hành chính số 1, Mục XVI. Lĩnh vực Trồng trọt tại Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thủ tục hành chính số 1, 2, Mục XXVI. Lĩnh vực Lâm nghiệp tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thủ tục hành chính số 1, 2, Mục I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành tại Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế Lĩnh vực Lâm nghiệp, Lĩnh vực Thủy lợi, Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

- Các thủ tục hành chính cấp tỉnh: Thủ tục hành chính số 1, 2 Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc khoản 2 danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung; Thủ tục hành chính số 4 Lĩnh vực Lâm Nghiệp thuộc khoản 3 danh mục thủ tục hành chính được thay thế tại Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

- Thủ tục hành chính số 1, 2 Lĩnh vực Lâm nghiệp; Thủ tục hành chính số 11, 12, 13, 22, 23, 24 Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Mục XVI. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phụ lục 1. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang tại Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

2. Quyết định này bãi bỏ các thủ tục hành chính:

- Thủ tục hành chính số 22, 23 Mục III. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tại Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

- Thủ tục hành chính số 20, 21 Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Mục XVI. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phụ lục 1. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang tại Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát TTHC-VP Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				
1	1.003363.000.00.00.H01	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019; Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
2	1.00336.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác.	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019; Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	1.003768.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019; Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	1.005342.000.00.00.H01	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
II	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT				
5	1.005336.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Luật Trồng trọt năm 2018; Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón; Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
6	2.001523.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Luật Trồng trọt năm 2018; Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón; Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
7	2.001508.000.00.00.H01	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Luật Trồng trọt năm 2018; Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón; Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
8	1.000036.000.00.00.H01	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính.	Luật Trồng trọt năm 2018; Nghị định số 94/2019/NĐCP ngày 13/12/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác, Quyết định 151/QĐ-BNN-TT ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	1.000019.000.00.00.H01	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm			
10	1.000007.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm			

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT		
1	1.003359.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	Luật Trồng trọt năm 2018; Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón; Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	2.001343.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	Luật Trồng trọt năm 2018; Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón; Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHẦN 2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				
1	1.004462.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp Huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019; Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	1.005337.000.00.00.H01	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp Huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)			

PHẦN 3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT				
1	1.003530.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Luật Trồng trọt năm 2018; Nghị định số 94/2019/NĐCP ngày 13/12/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; Quyết định 151/QĐ-BNN-TT ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn